



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Gạch ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân

Ngày 30/09/2025	16,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-5.7%	-0.4%	2.5%

DT thuần Q3/25
44.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼7.70 -14.9%
YoY: ▲ 0.20 0.4%

LN thuần Q3/25
6.93
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.04 17.6%
YoY: ▲ 0.78 12.7%

LN sau thuế Q3/25
5.46
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.70 14.8%
YoY: ▲ 0.61 12.7%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
15.7%
YoY: +/-▲ 3.8%

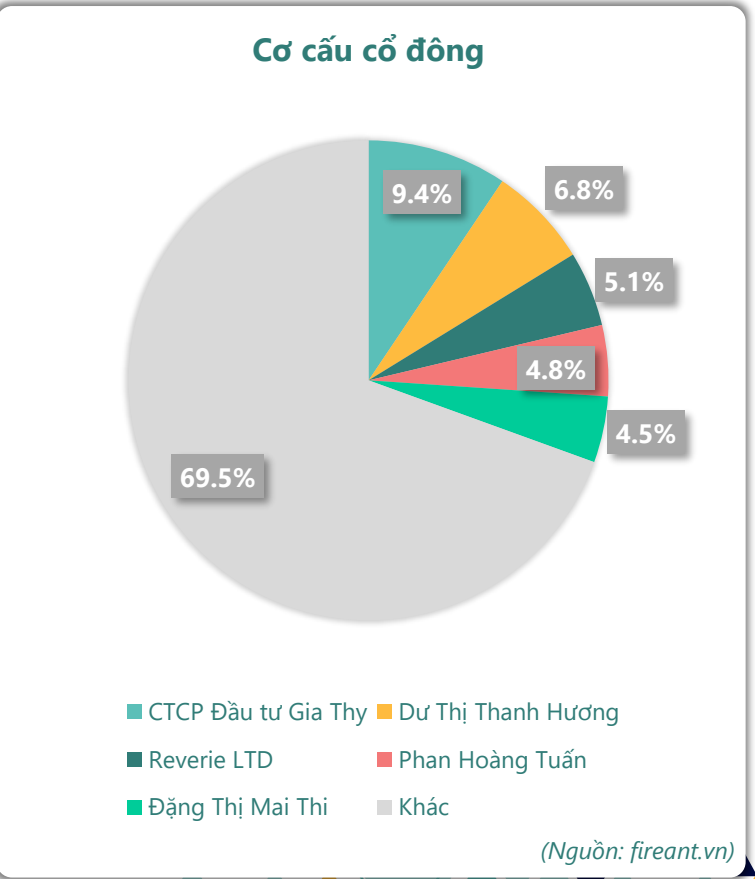
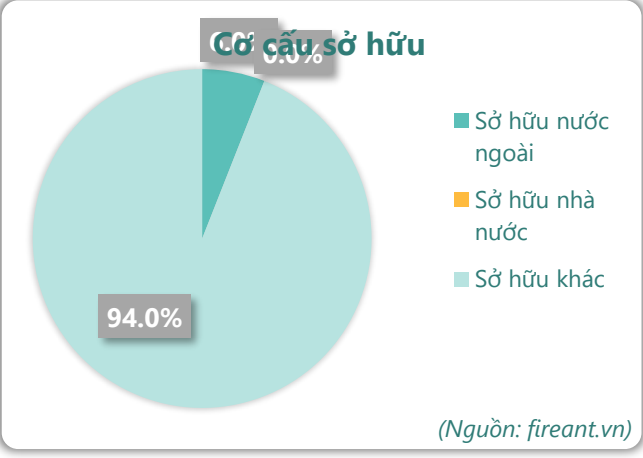
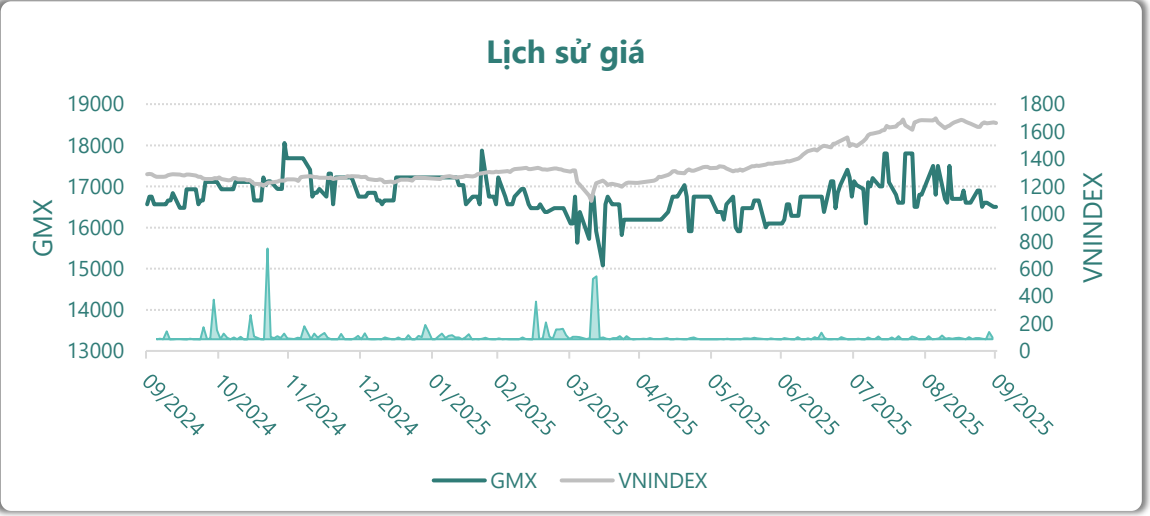
ROE (TTM) Q3/25
13.7%
YoY: +/-▲ 0.7%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	15,076 - 18,054
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	149
Số lượng CPLH (CP)	9,034,451
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,040
Sở hữu nước ngoài	6.0%
Beta	(0.05)
EPS	1,783
P/E	9.3

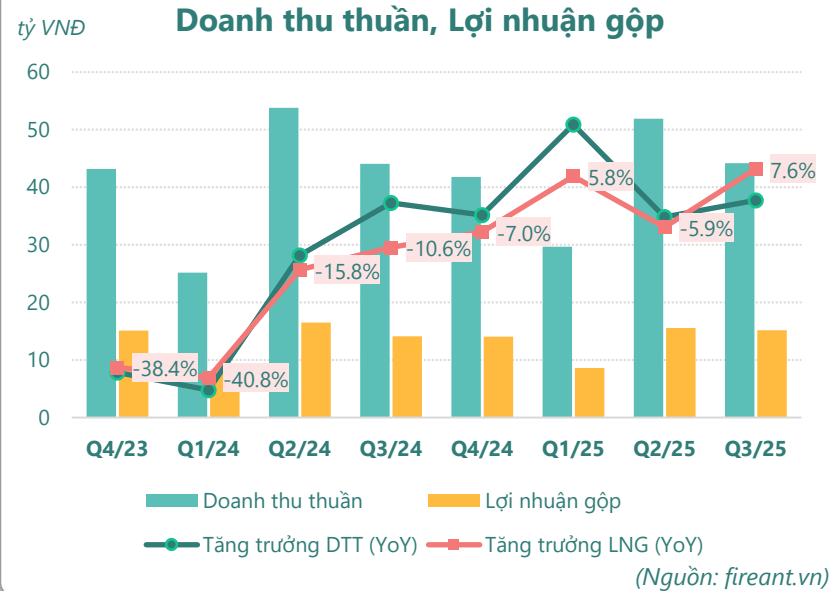
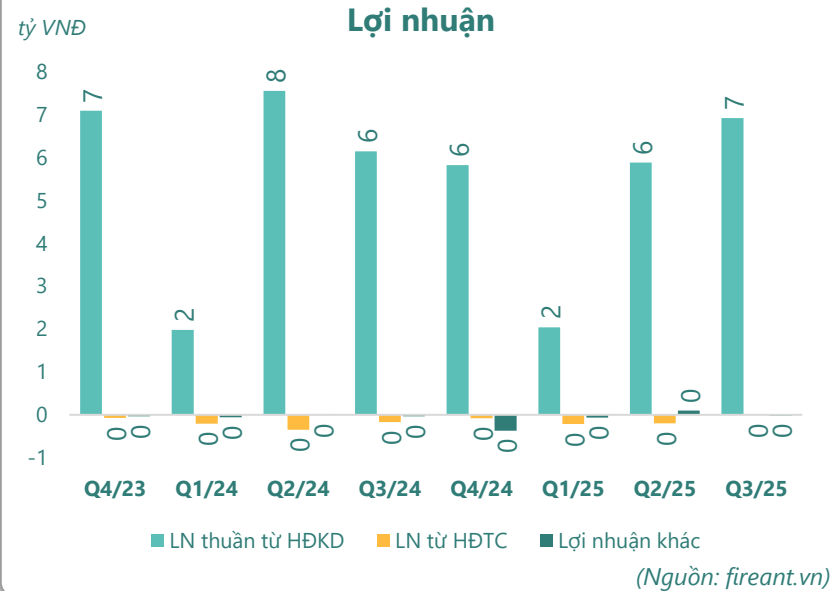
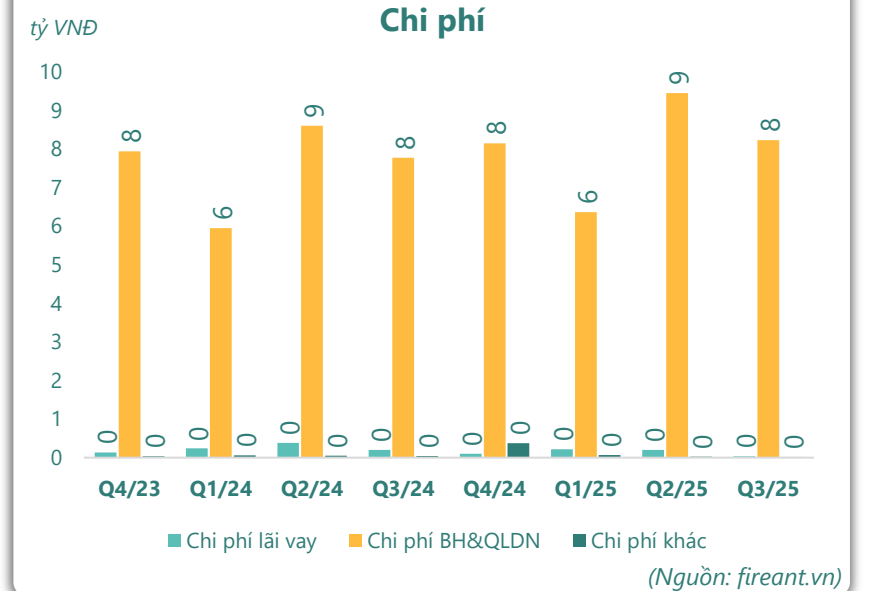
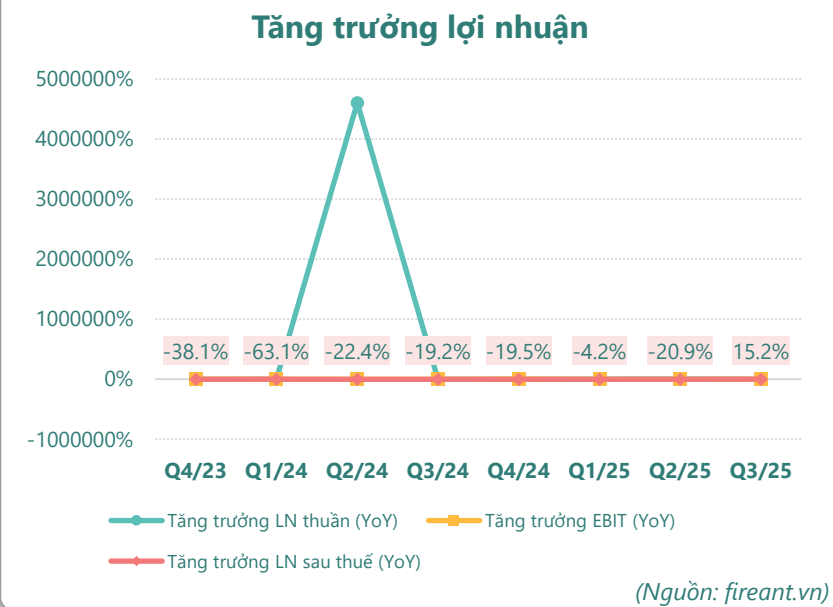
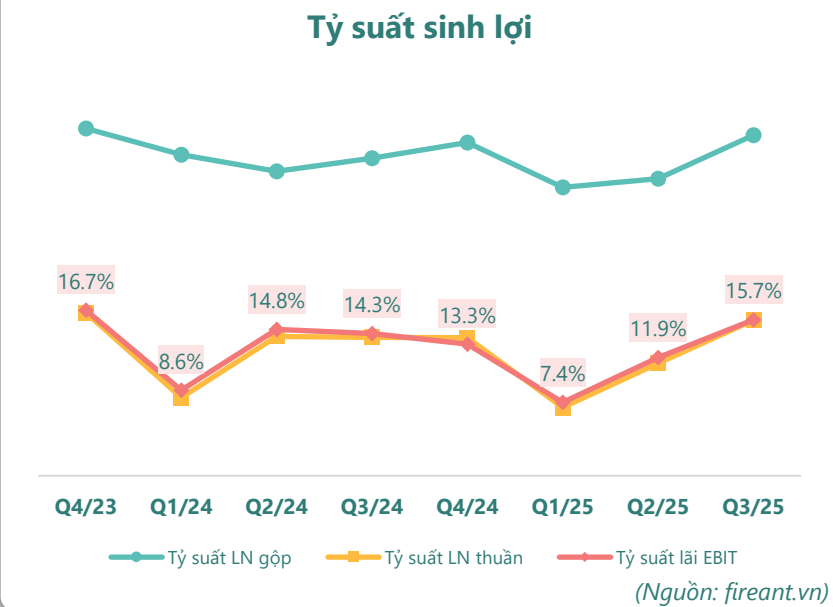
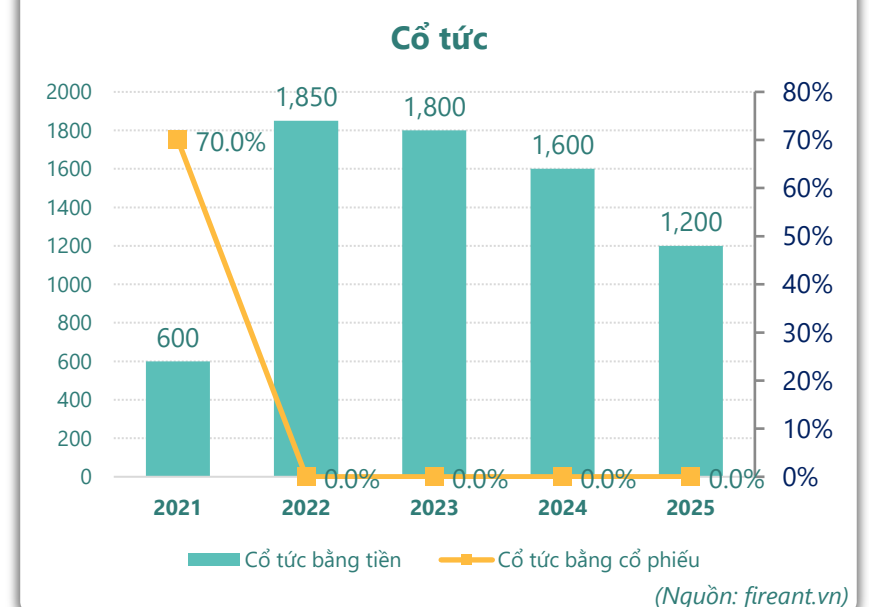
DT thuần 9T 2025
126
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.00 2.2%

LN thuần 9T 2025
14.9
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.80 -5.3%

LN sau thuế 9T 2025
11.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.60 -4.6%



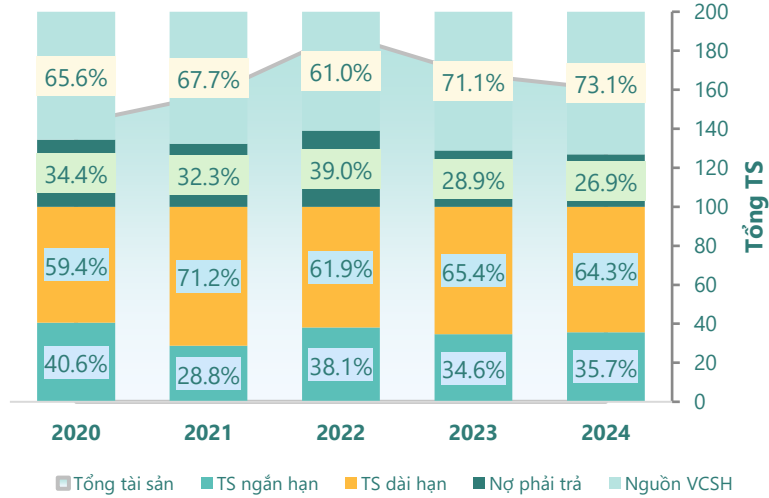
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

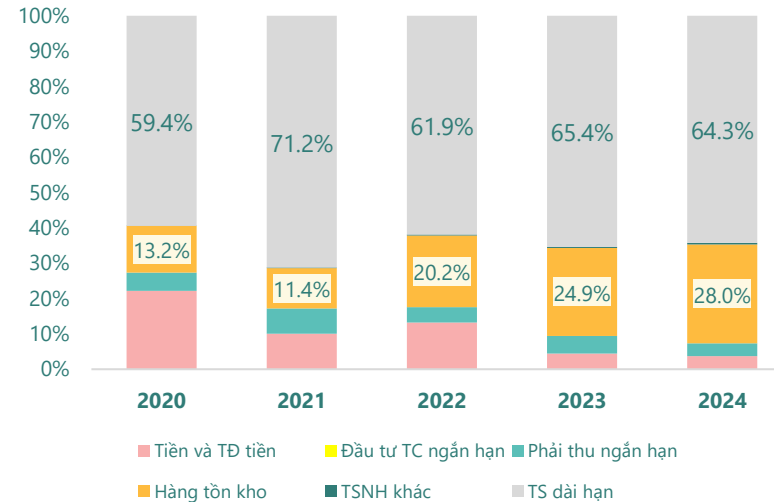
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

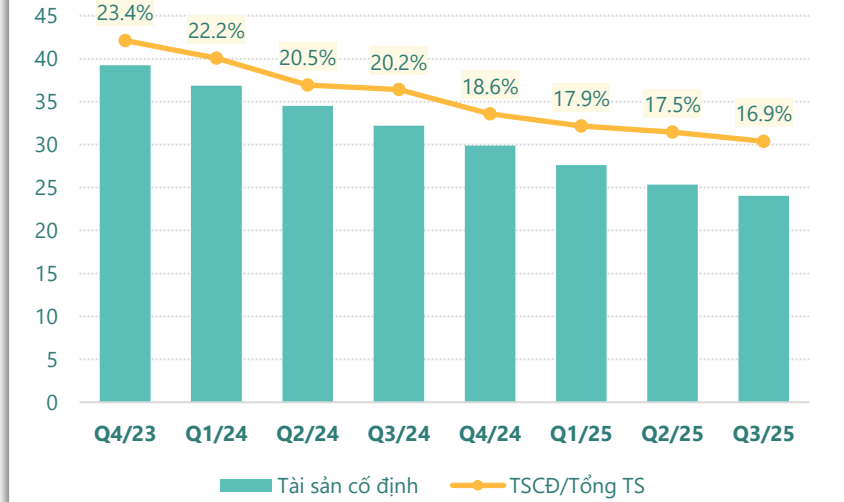
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

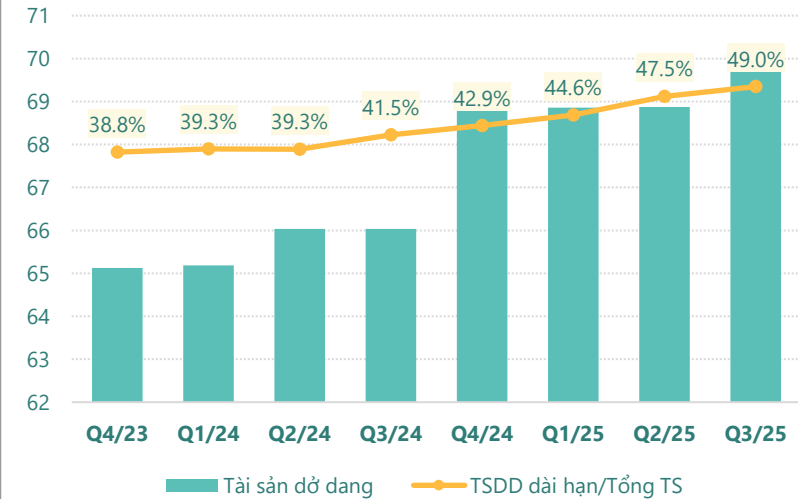
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

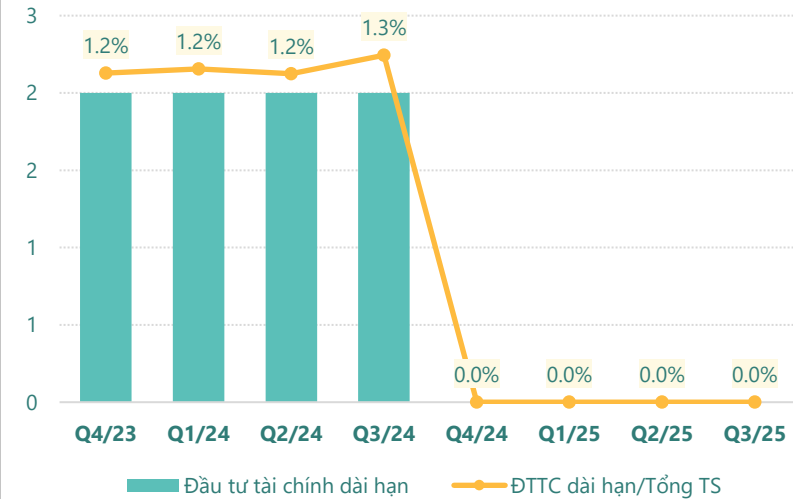
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

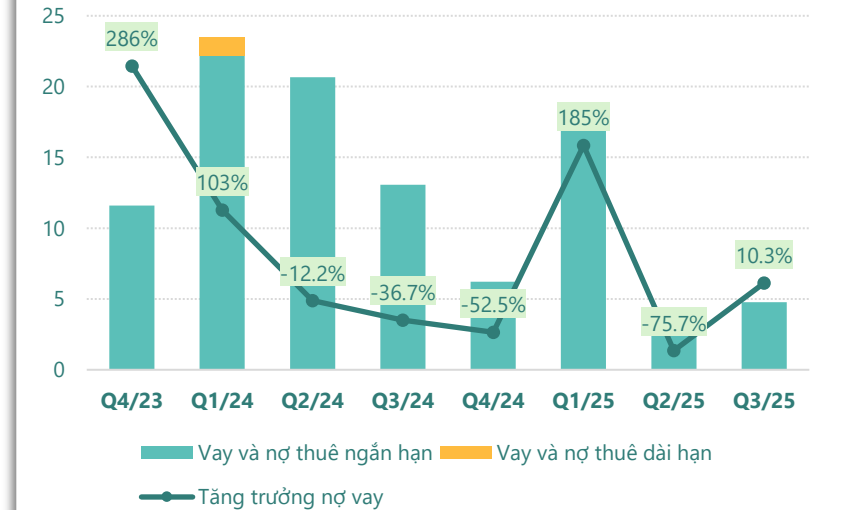
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

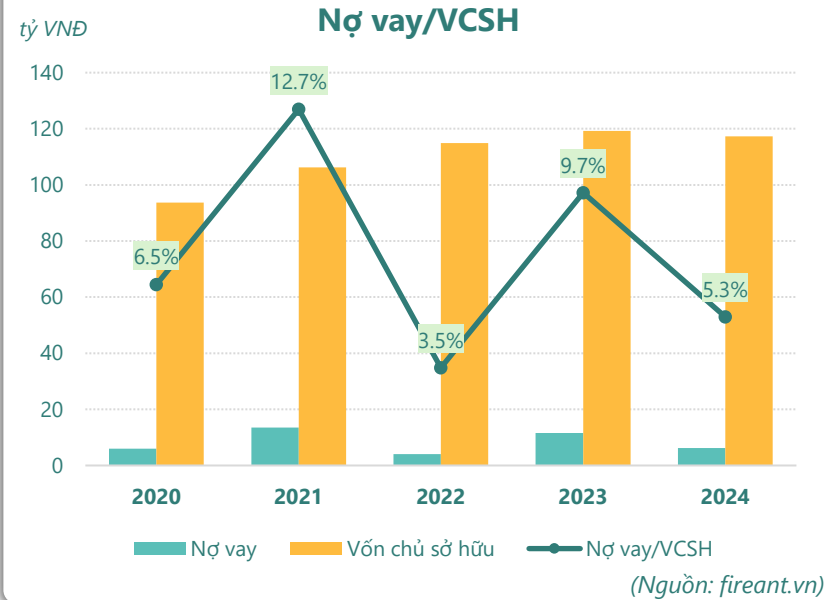
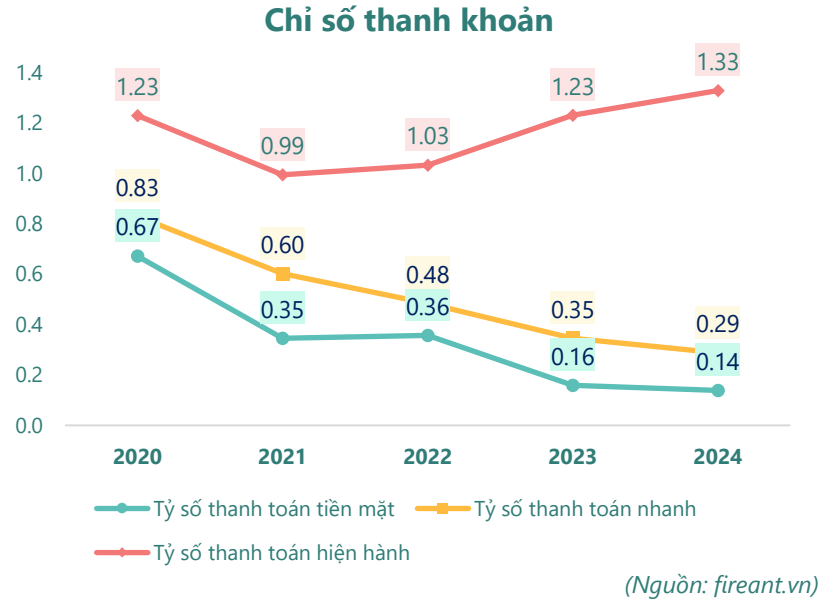
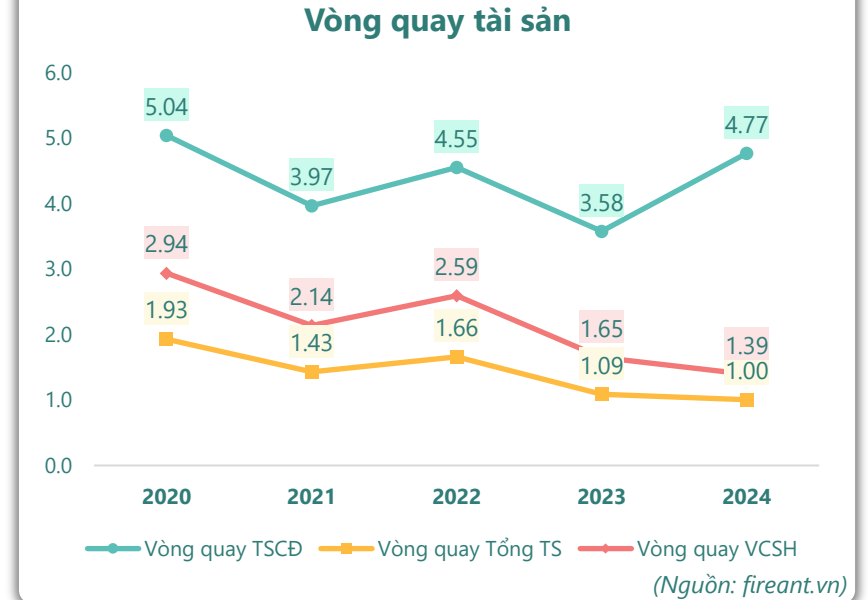
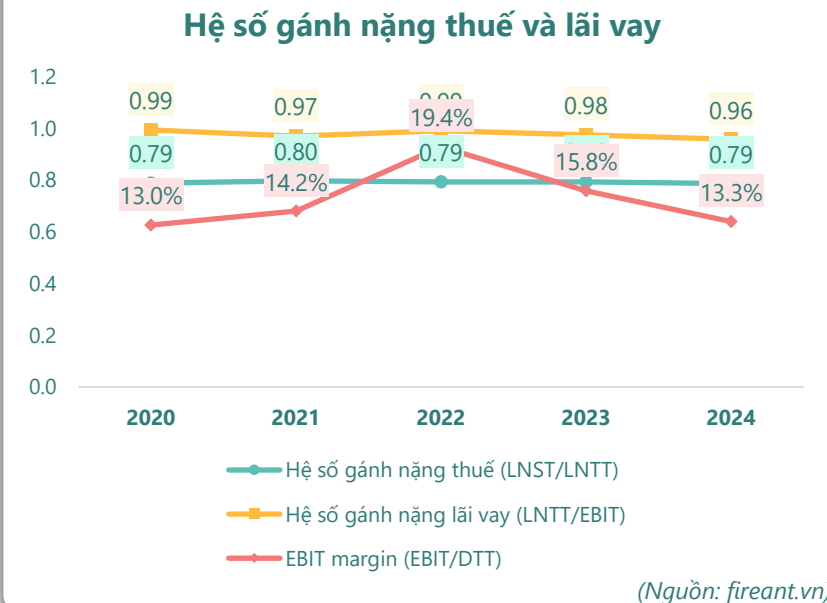
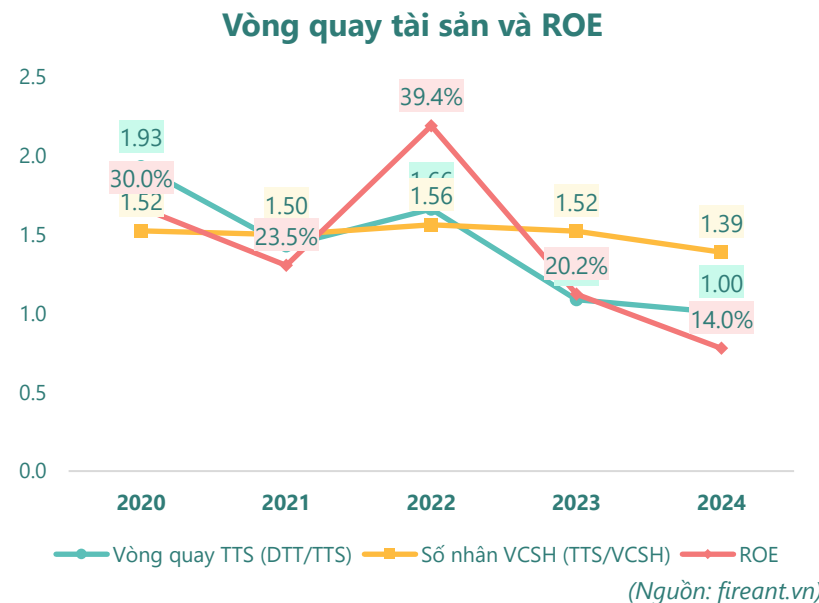
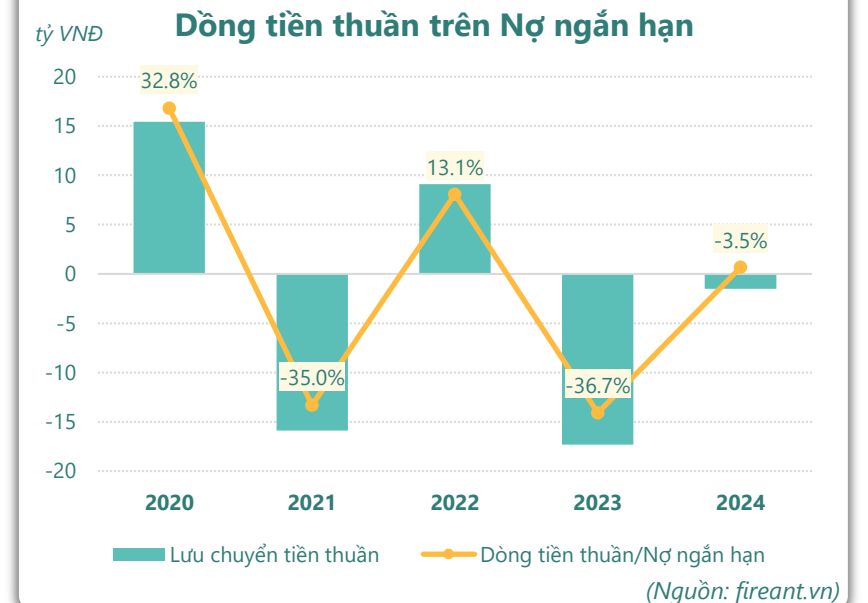
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	44.2	44.0	0.4%	126	123	2.2%
Giá vốn hàng bán	29.0	29.9	-3.0%	86.4	84.2	2.5%
Lợi nhuận gộp	15.2	14.1	7.6%	39.3	38.8	1.5%
Doanh thu HĐTC	0.03	0.03	4.1%	0.03	0.10	-66.2%
Chi phí TC	0.04	0.20	-80.9%	0.46	0.83	-44.7%
Chi phí lãi vay	0.04	0.20	-80.9%	0.46	0.83	-44.7%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	4.94	4.61	7.2%	13.6	12.7	7.2%
Chi phí QLDN	3.29	3.17	3.8%	10.5	9.67	8.3%
LN thuần từ HĐKD	6.93	6.15	12.7%	14.9	15.7	-5.3%
Lợi nhuận khác	-0.02	-0.04	55.0%	0.02	-0.10	119%
LN trước thuế	6.91	6.11	13.1%	14.9	15.6	-4.6%
Lợi nhuận sau thuế	5.46	4.85	12.7%	11.8	12.4	-4.6%
LNST của CĐ cty mẹ	5.46	4.85	12.7%	11.8	12.4	-4.6%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	30.3	27.3	14.9	12.9	31.8	17.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.84	0	1.80	-0.05	-0.20	-1.39
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-28.1	-27.0	-16.8	-15.7	-26.2	-19.1
Tiền đầu kỳ	4.51	5.86	6.09	7.50	4.69	8.55
Lưu chuyển tiền thuần	1.35	0.23	-0.11	-2.81	5.38	-2.57
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	5.86	6.09	5.98	4.69	8.55	5.98

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	142	160	-11.2%
Tài sản ngắn hạn	44.6	57.3	-22.1%
Tiền và tương đương tiền	5.98	5.98	0.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	5.53	5.73	-3.5%
Hàng tồn kho	32.8	44.9	-26.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.27	0.70	-61.1%
Tài sản dài hạn	97.7	103	-5.2%
Phải thu dài hạn	2.84	2.77	2.7%
Tài sản cố định	24.0	29.9	-19.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	69.7	68.8	1.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	1.13	1.60	-29.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	27.1	43.1	-37.2%
Nợ ngắn hạn	27.1	43.1	-37.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4.76	6.21	-23.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	5.48	18.1	-69.8%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	115	117	-1.7%
Vốn chủ sở hữu	115	117	-1.7%
Vốn điều lệ	90.4	90.4	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

